

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-PT

Ngày 29/6/2020

V/v: Chia tài sản chung sau ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Văn Linh

Bà Nguyễn Diệu Hiền

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Danh Quàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:***  
Bà Mai Thùy D - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “*Chia tài sản chung sau ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 42/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1974; địa chỉ: Khối 12, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà E3-19 Khu đô thị P, đường 15A, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; (Có mặt).

***- Bị đơn:*** Ông Lê Giang L, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 3, ấp B, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

***Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*** Ông Phạm Đình T, sinh năm 1959; địa chỉ: số 29/15 M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; (Có mặt).

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Văn phòng công chứng huyện P, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ: Số 183 đường 30/4, khu phố 1, thị trấn D, huyện P, K;  
***Người đại diện hợp pháp:*** Ông Nguyễn Văn L - Trưởng Văn phòng (vắng mặt).

*Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Giang L.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy K trình bày:**

*Về hôn nhân; con chung và công nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Lê Giang L đã được Tòa án nhân dân huyện P giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 113/2016/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2016, tuy nhiên về khoản trợ cấp nuôi con đến nay ông L không thực hiện.

#### *Về tài sản chung:*

Bà K xác định tài sản chung như sau:

1- 01 (một) thửa đất trồng cây lâu năm đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Thúy K đứng tên, nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của ông Cao Trường H và bà Thị L vào năm 2013, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang, tại tờ bản đồ số 46, thửa số 236 diện tích 541,1m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO354429 vào sổ số CH03500 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 03/7/2013, giấy đất hiện nay ông L đang giữ (gọi tắt là đất P).

2- 01 (một) căn nhà 100m<sup>2</sup> (diện tích nhà theo trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính thửa đất được Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Nghệ An thực hiện ngày 16/4/2018) được cất trên diện tích đất 120,7m<sup>2</sup> tại xóm Y, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An nay là khối 12, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 225800 do Ủy ban nhân dân huyện T tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/5/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị Thúy K, giấy đất hiện nay ông L đang giữ (gọi tắt là đất N).

3- 01 chiếc xe moto 2 bánh nhãn hiệu honda loại Airblade màu đen bạc, mang biển kiểm soát 37E1 – 00289 do Nguyễn Thị Thúy K đứng tên và 01 chiếc xe Airblade màu đồng đen do ông L đang sử dụng tại P.

4- Cổ phần mua tàu vận tải P thuộc công ty vật liệu xây dựng P tại đường N, khu phố 5, thị trấn D, P.

#### *Tại đơn khởi kiện bổ sung và các bản khai bà K yêu cầu:*

1- Rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là 02 chiếc xe honda hiệu Airblade, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2- Đối với cổ phần mua tàu vận tải P thì hiện nay bà K chưa cung cấp được thông tin đóng góp cổ phần nên chưa khởi kiện phần này.

3- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà K và ông L được thực hiện theo văn bản công chứng số 3503 quyền số 4TP/CC-SCC/HĐGD ngày

15/6/2016 tại Văn phòng công chứng P đối với quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 46, thửa số 236 diện tích 541,1m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO354429 vào sổ số CH03500 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 03/7/2013.

4- Chia đôi tài sản chung là căn nhà xây 100m<sup>2</sup> trên diện tích đất 120,7m<sup>2</sup> tại xóm Y, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An nay là khối 12, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An, tài sản này được định giá với giá trị là 2.081.101.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá số V033 BDS/2018/CT.ĐA ngày 20/4/2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư dịch vụ thẩm định giá Đ, bà K có nhu cầu lấy nhà và đất để ở và nuôi con, bà K trả lại  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà và đất tại N là 1.040.555.500 đồng cho ông L, yêu cầu ông L giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chia đôi giá trị thửa đất tại tờ bản đồ số 46, thửa số 236 diện tích 541,1m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO354429 vào sổ số CH03500 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 03/7/2013. Thửa đất có giá trị là 7.622.045.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá số Vc 18/12/271/CT-TVAP ngày 10/12/2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn định giá Thịnh Vượng, bà K yêu cầu được lấy  $\frac{1}{2}$  giá trị bằng tiền là 3.811.022.500 đồng.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:* Người đại diện theo ủy quyền của bà K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia đôi tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại N và quyền sử dụng đất tại P; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và đồng ý việc rút một phần đơn khởi kiện của bà K về việc không yêu cầu chia tài sản là 02 chiếc xe Honda, việc chia tài sản đại diện của bà K yêu cầu như sau:

Trị giá tài sản chung tài sản là 7.622.045.000đ + 2.081.101.000đ bằng 9.703.146.000 đồng. Mỗi người được chia  $\frac{1}{2}$  bằng 4.851.573.000 đồng. Do bà K nhận nhà và đất tại N có giá là 2.081.101.000 đồng nên ông L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà K 2.770.427.000 đồng (4.851.573.000 đồng - 2.081.101.000 đồng).

Lý do phía bà K yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là trước khi ly hôn thì bà K và ông L có thỏa thuận, ông L lấy đất P nên bà K làm thủ tục tặng cho phần đất tại P cho ông L, bà K lấy nhà đất tại N thì ông L về N làm thủ tục chuyển giao cho bà K, nhưng ông L lại không thực hiện. Do hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chưa có hiệu lực pháp luật nên bà K yêu cầu hủy để chia tài sản chung.

**- Bị đơn ông Lê Giang L trình bày:**

*Về hôn nhân, nuôi con chung, công nợ chung:* thì ông L và bà K đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 113/2016/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2016.

**- Về tài sản chung:**

*Tại phiên tòa sơ thẩm:* Ông L thừa nhận tài sản chung của vợ chồng trước khi ly hôn gồm nhà và đất tại N và đất tại B, huyện P như bà K trình bày ở trên.

Nay ông L đồng ý chia đôi tài sản là căn nhà xây 100m<sup>2</sup> cất trên diện tích 120,7m<sup>2</sup> tại xóm Y, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An nay là khối 12, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Bà K có nhu cầu lấy nhà và đất thì ông L thống nhất giao, bà K trả lại cho ông ½ giá trị nhà, đất theo chứng thư thẩm định giá của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ là 2.081.101.000 đồng chia 2 bằng 1.040.550.500 đồng.

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất thừa đất tại tờ bản đồ số 46, thửa số 236 diện tích 541,1m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO354429 vào sổ số CH03500 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 03/7/2013 đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang, ông L đã được bà K tự nguyện tặng cho tài sản này, ông L đã được chỉnh lý biến động sang tên ông nên đây là tài sản riêng và thuộc quyền sử dụng của ông L nên không đồng ý chia cho bà K.

Tài sản này định giá quyền sử dụng đất được 7.622.045.000 đồng thì ông L không có ý kiến gì về giá trị quyền sử dụng đất đã được định giá mà yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông L đồng ý với việc bà K rút một phần đơn khởi kiện chia tài sản chung là 02 chiếc xe Honda hiệu Airblade.

Về phần tài sản là cổ phần tàu P, ông L xác định không có cổ phần đóng góp với tàu P như đơn khởi kiện nêu.

\* Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1/ Áp dụng pháp luật:

- Căn cứ các Điều 28; Điều 35; khoản 2 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 33; Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 459; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.
- Công văn số 64/TATC – PL ngày 03/4/2019 của Tòa án tối cao về giải đáp nghiệp vụ.

2/ Tuyên xử:

2.1- Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung là 02 chiếc xe honda hiệu Airblade giữa bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Lê Giang L.

2.2- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Lê Giang L.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 46, thửa số 236

diện tích 541,1m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO354429 vào sổ số CH03500 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 03/7/2013 được Văn phòng công chứng P công chứng số 3503 quyền số 4TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/6/2016 do chưa phát sinh hiệu lực.

- Giao diện tích đất 120,7m<sup>2</sup> trên đất có cất 01 (một) căn nhà 100m<sup>2</sup> tại xóm Y, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An nay là khối 12, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An cho bà Nguyễn Thị Thúy K, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 225800 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/5/2003. Bà K có toàn quyền sở hữu tài sản này. Ông L có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận thửa đất này cho bà K.

- Giao quyền sử dụng đất tại P tại tờ bản đồ số 46, thửa số 236 diện tích 541,1m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO354429 vào sổ số CH03500 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 03/7/2013 đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang cho ông Lê Giang L quản lý, sử dụng.

Ông Lê Giang L có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Thúy K số tiền là 2.770.472.000 đồng (hai tỷ bảy trăm bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2.3- Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 22/2017/QĐ-APBPKCTT ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc được giữ nguyên.

2.4- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P hoặc cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật để điều chỉnh biến động lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, bị đơn ông Lê Giang L kháng cáo với nội dung không được hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà K và ông L vì đất đã sang tên cho ông L; không phân chia phần đất tọa lạc ở B, cửa D, huyện P, tỉnh Kiên Giang vì phần đất này ông L đã đứng tên và chủ sở hữu; không được tính án phí ông L vì ông L là bị đơn; về nhà ở huyện Thanh Chương được chia đôi hoặc cho 02 con chung là Nguyễn Thị Việt A và Lê Ngọc A.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu: Xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng P được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt; căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt người liên quan nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/02/2020, ông Phạm Đình T là người đại diện ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án tiến hành định giá lại tài sản tranh chấp là thửa đất số 236 diện tích 541,1m<sup>2</sup> tọa lạc ở B, cửa D, huyện P, tỉnh Kiên Giang, vì thời điểm định giá đến thời điểm xét xử đã hơn 06 tháng, giá đất không còn phù hợp với thực tế; ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất yêu cầu định giá lại của phía bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào Điều 235 và Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định ngừng phiên tòa để tiến hành định giá lại tài sản theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi ra thông báo về việc nộp tạm ứng chi phí định giá lại tài sản và tổng hợp lệ cho phía bị đơn, nhưng phía bị đơn không nộp tạm ứng chi phí định giá, nên Tòa án không thể tiến hành định giá lại tài sản theo yêu cầu của bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả định giá tại cấp sơ thẩm để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Giang L:

Đối với yêu cầu kháng cáo về việc không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà K và ông L vì đất đã sang tên cho ông L và không phân chia phần đất tọa lạc ở B, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang vì phần đất này ông L đã đứng tên và chủ sở hữu. Xét thấy, khi bà K khởi kiện, được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc thụ lý ngày 05/9/2017, ngày 12/9/2017 ông L nhận thông báo thụ lý và ngày 29/9/2017 ông L đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P để đăng ký chuyển quyền sử dụng đất và ngày 6/10/2017 ông L được đăng ký biến động sang tên; đối chiếu quy định tại Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời điểm bà K khởi kiện, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa số 236 diện tích 541,1m<sup>2</sup>, tại tờ bản đồ số 46, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO354429 vào sổ số

CH03500 do Ủy ban nhân dân huyện P, cấp ngày 03/7/2013 được Văn phòng công chứng P công chứng số 3503 quyền số 4TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/6/2016 chưa phát sinh hiệu lực. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015 xử hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận thừa đất nêu trên là tài sản chung của ông và bà K trong thời kỳ hôn nhân; bà K đã lập đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho ông và ông L đã được chỉnh lý biến động sang tên. Tuy nhiên, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà K và ông L chưa phát sinh hiệu lực, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà K xử hủy hợp đồng tặng cho như phân tích ở phần trên là có căn cứ. Do đó, diện tích 541,1m<sup>2</sup> đất tọa lạc ở B, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang vẫn là tài sản chung của bà K và ông L. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình; xem xét đến nhu cầu, điều kiện sử dụng đất của các bên xử chia tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên, giao đất cho ông L, buộc ông L trả ½ giá trị cho bà K với số tiền 3.811.022.500 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo yêu cầu chia đôi nhà ở tại huyện T hoặc cho 02 con chung là Nguyễn Thị Việt A và Lê Ngọc A. Hội đồng xét xử thấy rằng ông L và bà K đều xác định diện tích đất 120,7m<sup>2</sup> trên đất có cất 01 (một) căn nhà 100m<sup>2</sup> tại xóm Y, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An nay là khối 12, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An là tài sản chung của ông L và bà K. Sau khi ly hôn với ông L, bà K cùng các con sinh sống tại nhà đất nêu trên, ông L cất nhà sống trên diện tích đất tại P. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của pháp luật và nhu cầu thực tế của các bên đương sự, xử chia cho ông L quyền sử dụng đất tại P; giao nhà và đất tại huyện T, tỉnh Nghệ An cho bà K được quyền sở hữu, sử dụng, bà K có nghĩa vụ trả ½ giá trị tài sản cho ông L với số tiền 1.040.550.500 đồng là đúng với quy định của pháp luật; bên cạnh đó, tài sản này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xử chia đôi, nên việc ông L kháng cáo yêu cầu tiếp tục chia tài sản này là không phù hợp. Đối với yêu cầu chia nhà, đất huyện T, tỉnh Nghệ An cho các con ông L và bà K là không phù hợp, vì tài sản nêu trên là tài sản chung của ông L, bà K, nên Tòa án cấp sơ đã xử chia cho ông L và bà K là phù hợp với quy định của pháp luật; trong trường hợp ông L có nhu cầu tặng cho các con thì ông có quyền thực hiện việc tặng cho phần tài sản mà ông được chia theo quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của ông L về việc không đồng ý đóng án phí, do ông L là bị đơn trong vụ án. Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đương sự có tranh chấp chia tài sản chung của

vợ chồng thì phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản tranh chấp tương ứng với phần tài sản được chia; giá trị tài sản bà K và ông L mỗi người được chia là 4.851.573.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L và bà K phải chịu án phí nên phải chịu án phí giá ngạch trên số tiền chia, cụ thể  $\{(112.000.000đ + (851.573.000đ \times 0,1\%))\} = 112.851.573$  đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, ông L không thuộc trường hợp được miễn án phí được quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không có căn cứ xét miễn án phí cho ông.

Từ những nhận định trên, trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Lê Giang L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí:

Án phí sơ thẩm giữ nguyên theo bản án sơ thẩm;

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Giang L; Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

- Căn cứ Điều 33; Điều 59; Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 459; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1- Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung là 02 chiếc xe honda hiệu Airblade giữa bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Lê Giang L.

2- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Lê Giang L.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 46, thửa số 236 diện tích 541,1m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO354429 vào sổ số



CH03500 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 03/7/2013 được Văn phòng công chứng P công chứng số 3503 quyền số 4TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/6/2016 do chưa phát sinh hiệu lực.

- Giao diện tích đất 120,7m<sup>2</sup> trên đất có cất 01 (một) căn nhà 100m<sup>2</sup> tại xóm Y, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An nay là khối 12, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An cho bà Nguyễn Thị Thúy K, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 225800 do Ủy ban nhân dân huyện T tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/5/2003. Bà K có toàn quyền sở hữu tài sản này. Ông L có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận thửa đất này cho bà K.

- Giao quyền sử dụng đất tại P tại tờ bản đồ số 46, thửa số 236 diện tích 541,1m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO354429 vào sổ số CH03500 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 03/7/2013 đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang cho ông Lê Giang L quản lý, sử dụng.

Ông Lê Giang L có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Thúy K số tiền là 2.770.472.000 đồng (hai tỷ bảy trăm bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3- Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 22/2017/QĐ-APBPCTT ngày 19/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc được giữ nguyên.

4- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P hoặc cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật để điều chỉnh biến động lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự khi có yêu cầu.

#### **\* Về án phí:**

Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy K phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch chia tài sản sau ly hôn là 112.851.573 đồng, bà K đã nộp tạm ứng án phí là 12.200.000 đồng theo biên lai thu số 0006172 ngày 24/8/2017 nay được khấu trừ vào án phí, nên bà K còn phải nộp số tiền là 100.651.573 đồng. Ông L phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch chia tài sản sau ly hôn là 112.851.573 đồng.

Án phí phúc thẩm: Ông Lê Giang L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006759 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Kiên Giang

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện P;
- THA dân sự huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Út Mẫn**